**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

Khoa **KH Xã hội & Nhân văn**

Bộ môn: KH Xã hội & Nhân văn

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Thông tin về học phần:**

Tên học phần: **CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM**

* Tiếng Việt: Cơ sở văn hoá Việt Nam
* Tiếng Anh: Vietnamese Culture

Mã học phần: SSH321 Số tín chỉ: 02

Đào tạo trình độ:Đại học

Học phần tiên quyết: không

**2. Thông tin về giảng viên:**

Họ và tên: ThS. GVC Dương Thị Thanh Huyền

ĐT: 0989685296 Email: huyen.dhnt@yahoo.com.vn

Địa điểm, lịch tiếp SV:

**3. Mô tả tóm tắt học phần:**

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề khái quát về văn hóa và văn hóa Việt Nam, diễn trình, các phân vùng và đặc điểm Văn hóa Việt Nam trên các lĩnh vực; nhằm giáo dục ý thức giữ gìn phát huy những tinh hoa văn hóa dân tộc, có bản lĩnh vững vàng khi tiếp biến giao lưu với bên ngoài.

**4. Mục tiêu:**

Giúp sinh viên có những kiến thức và kỹ năng cần thiết để nhận biết được những nét riêng, độc đáo làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam. Có khả năng vận dụng các kiến thức của môn học để liên hệ và mở rộng tầm hiểu biết với các lĩnh vực có liên quan (Sử học, Dân tộc học, Khảo cổ học...). Nâng cao vốn văn hóa cho bản thân, xây dựng lối sống lành mạnh dựa trên các tiêu chí Chân - Thiện - Mỹ, nhằm góp phần hoàn thiện tâm hồn, nhân cách để trở thành những con người phát triển toàn diện, hài hòa, tạo nền tảng và động lực cho sự phát triển bền vững của xã hội.

**5. Kết quả học tập mong đợi (KQHT):**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

* 1. ***Kiến thức***

- Nắm vững các khái niệm, thuật ngữ về Văn hóa.

- Được trang bị những kiến thức cơ bản và có hệ thống về cơ sở, quá trình hình thành và các đặc trưng bản sắc của văn hóa Việt Nam.

- Nhận biết được những nét riêng, độc đáo làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam.

- Nhận thức được vai trò có tính chất nền tảng của văn hóa trong sự phát triển toàn diện và bền vững của đời sống xã hội.

* 1. ***Kĩ năng***

- Có khả năng vận dụng các kiến thức của môn học để liên hệ và mở rộng tầm hiểu biết với các lĩnh vực có liên quan (Văn hóa học, Sử học, Dân tộc học, Khảo cổ học...).

- Có năng lực lý giải được bản chất, đặc trưng của Văn hóa Việt Nam.

* 1. ***Thái độ***

Có thái độ trân trọng tự hào về nền Văn hóa dân tộc, Có ý thức góp phần giữ gìn và phát huy nét đẹp văn hóa Việt Nam.

**6. Kế hoạch dạy học:**

**6.1 Lý thuyết:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Chương/Chủ đề* | *Nhằm đạt KQHT* | *Số tiết* | | *Phương pháp dạy – học* | *Chuẩn bị của người học* |
| *LT* | *TH* |
| **1** | **Những vấn đề chung về văn hoá và Văn hóa Việt Nam (VHVN)** |  | 3 | 2 |  |  |
| 1.1  1.2  1.2 | Khái niệm văn hoá  Cấu trúc hệ thống văn hoá Việt Nam  Định vị văn hoá Việt Nam | * Hiểu được khái niệm văn hoá; đặc trưng, chức năng của văn hoá, phân biệt một số khái niệm: văn vật, văn hoá, văn hiến, văn minh. * Nắm được cấu trúc hệ thống VHVN bao gồm: VH nhận thức, VH tổ chức đời sống, VH ứng xử với môi trường xã hội.   - Phân biệt văn hoá gốc nông nghiệp – du mục; Định vị loại hình, chủ thể thời gian, Địa lí & không gian VHVN. |  |  | Thuyết giảng – Phát vấn | Nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị câu hỏi, tình huống có liên quan đến bài học |
| **2** | **Diễn trình và phân vùng văn hoá Việt Nam** |  | 2 | 3 |  |  |
| 2.1  2.2 | Quá trình hình thành và phát triển của các lớp VHVN từ khởi thủy đến hiện đại  Các vùng văn hoá Việt Nam | * Phân định được các lớp VHVN: lớp VH bản địa, VH giao lưu với Trung Hoa và khu vực; VH giao hlưu với Phương Tây; hiện đại.   -Hiểu biết toàn diện, sâu sắc, khu biệt được đặc trưng VH giữa các vùng VH Tây Bắc, VH Việt Bắc, VH Châu Thổ Bắc Bộ, VH Duyên Hải Trung Bộ, VH Tây Nguyên, VH Nam Bộ. |  |  | Trình chiếu PP + thuyết giảng – trao đổi, thảo luận nhóm | Làm việc nhóm, chuẩn bị BT nhóm kết hợp tra cứu các tài liệu liên quan đến các nội dung học. |
| **3** | **Văn hoá Nhận thức** |  | 2 | 3 |  |  |
| 3.1  3.2 | Nhận thức về vũ trụ  Nhận thức về con người | * Hiểu và vận dụng được khái niệm và hai qui luật của triết lý Âm dương, bản chất của Ngũ hành * Hiểu được mối quan hệ biện chứng giữa con người - tự nhiên và con người - xã hội. Từ đó thấy được vai trò, đặc trưng, mô hình của văn hóa nhận thức . |  |  | Diễn giảng + trình chiếu; Thực hành nhóm, thảo luận | Đọc và nghiên cứu tài liệu, tiếp tục hoàn thiện BT nhóm, chuẩn bị câu hỏi, tình huống có liên quan đến bài học… |
| **4** | **Văn hoá tổ chức đời sống** |  | 2 | 3 |  |  |
| 4.1  4.2 | Văn hoá tổ chức đời sống tập thể  Văn hoá tổ chức đời sống cá nhân | * Nắm được các đặc điểm của VHVN trong tổ chức cộng đồng gia tộc, nông thôn, quốc gia và đô thị.   Nắm được các đặc điểm về Tín ngưỡng, phong tục, tập quán và các hình thức sinh hoạt VH, biết tự hào về truyền thống tốt đẹp của cộng đồng. |  |  | Thuyết trình; thảo luận + thực hành làm việc theo nhóm, dã ngoại ở Tháp Bà/ Hòn Chồng | Tìm hiểu các phong tục tập quán, thói quen sinh hoạt VH của người VN. Hoàn thiện BT, chuẩn bị đk cho dã ngoại |
| **5** | **Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội** |  | 2 | 3 |  |  |
| 5.1    5.2 | Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên  Văn hoá ứng xử với môi trường xã hội | -Thông qua việc tiếp cận tri thức về VH ứng xử, hình thành thói quen ứng xử với môi trường TN: Thân thiện, quí trọng giá trị từ TN, bảo vệ TN.  - Xác định và phát huy truyền thống văn hóa ứng xử của cha ông, tiếp thu cái mới cái hay cái tinh túy để ứng xử tốt vs bên ngoài. |  |  | Trình chiếu +Diễn giảng; SV thuyết trình, thảo luận. | Nghiên cứu tài liệu, tìm các bài viết hình ảnh chuẩn bị thuyết trình |

**7. Tài liệu dạy và học:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Tên tác giả* | *Tên tài liệu* | *Năm xuất bản* | *Nhà xuất bản* | *Địa chỉ khai thác tài liệu* | *Mục đích*  *sử dụng* | |
| *Tài liệu chính* | *Tham khảo* |
| 1 | Trần Ngọc Thêm | Cơ sở văn hoá Việt Nam | 2006 | Giáo dục | Thư viện | x |  |
| 2 | Dương T.Thanh Huyền | BG Cơ sở Văn hóa VN | 2018 | Xưởng in trường ĐHNT | Xưởng in trường ĐHNT | X |  |
| 3 | Trần Quốc Vượng | Cơ sở văn hoá Việt Nam | 2002 | Giáo dục | Thư viện |  | x |
| 4 | Phan Ngọc | Bản sắc văn hoá Việt Nam | 2002 | VHTT | GV |  | x |

**8. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

8.1. Các hoạt động trước khi đến lớp: Nghiên cứu tài liệu tham khảo (tự nghiên cứu, nghiên cứu theo nhóm); Thảo luận trong nhóm để đặt và trả lời được các câu hỏi, bài tập, tình huống; xây dưng bài thuyết trình nhóm.

8.2. Các hoạt động trên lớp gồm: Trả lời câu hỏi của GV và SV trong lớp; đặt câu hỏi, đưa tình huống; đưa ý kiến tranh luận, thảo luận; giải quyết tình huống; thuyết trình nhóm đánh giá bài thuyết trình.

8.3. Yêu cầu và cách thức đánh giá, mức độ tham gia các hoạt động trên lớp:

- Đối với việc trả lời câu hỏi của GV và SV trong lớp, đặt câu hỏi, đưa tình huống, đưa ý kiến tranh luận, thảo luận GV đánh giá trên 3 tiêu chí: Tích cực, đúng và hay

- Đối với các bài tập: Chấm theo thang điểm 10

- Đối với việc thuyết trình: Đánh giá trên bài thuyết trình là kết quả làm việc của nhóm

**9. Đánh giá kết quả học tập:**

**9.1. Lịch kiểm tra giữa kỳ (dự kiến):**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *Lần kiểm tra* | *Tiết thứ* | *Hình thức*  *kiểm tra* | *Chủ đề/Nội dung được kiểm tra* | *Nhằm đạt KQHT* |
| 1 | 14 | Viết  (50 phút) | Những vấn đề chung về văn hoá Việt Nam  Diễn trình và phân vùng văn hoá Việt Nam | * Hiểu được khái niệm văn hoá; đặc trưng, chức năng của văn hoá, phân biệt văn hoá - văn minh. * Nắm được hệ thống VHVN   - Định vị được VHVN |
| 2 | 30 | Viết  (Có thể làm BT với video tại lớp) | Nhận thức vai trò của cá nhân trong việc giữ gìn văn hóa dân tộc |  |

**9.2 Thang điểm học phần:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Hình thức đánh giá* | *Nhằm đạt KQHT* | *Trọng số (%)* |
| 1 | Hai lần kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ | Diễn trình và phân vùng văn hoá Việt Nam; Văn hóa nhận thức và ứng xử với môi trường TN-XH;  Nhận thức vai trò của cá nhân trong việc giữ gìn phát huy văn hóa dân tộc. | 20% |
| 2 | Thực hành (các bài thuyết trình nhóm, các bài tập) | Thuyết trình thành công bài thuyết trình của nhóm (làm nội dung kiến thức được trình bày trong bài thuyết trình, trả lời/giải đáp thuyết phục các câu hỏi và tình huống liên quan)  Hoàn thành các bài tập, trả lời câu hỏi đầu và cuối giờ học. | 20% |
| 3 | Chuyên cần/ thái độ / ý thức HT | Tự học, hoạt động nhóm chủ động, tích cực, hiệu quả; hăng hái phát biểu, thảo luận trao đổi trên lớp | 10% |
| 4 | Thi kết thúc học phần  Hình thức thi: Viết + TN  - Đề mở:  **-** Đề đóng: X |  | 50% |

**TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN**

*(Ký và ghi họ tên)*

*Dương Thị Thanh Huyền*